

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH LAI CHÂU BAN HÀNH BẢNG GIÁ TÍNH THUẾ TÀI NGUYÊN NĂM 2026

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH	THUYẾT MINH
	Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu Ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu Ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu	
1	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Quyết định này ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu (trừ dầu thô, khí thiên nhiên, khí than và nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện).	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Quyết định này ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu (trừ dầu thô, khí thiên nhiên, khí than và nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện).	Kế thừa Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu
2	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Công thương, cơ quan thuế các cấp và các cơ quan khác có liên quan. 2. Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên thuộc đối tượng chịu thuế tài nguyên theo quy định tại Điều 1 Quyết định này.	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Công thương, cơ quan thuế các cấp và các cơ quan khác có liên quan. 2. Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên thuộc đối tượng chịu thuế tài nguyên theo quy định tại Điều 1 Quyết định này.	Kế thừa Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu; Thay đổi tên Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/2/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh hợp nhất, thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu;
3	Điều 3. Bảng giá tính thuế tài nguyên	Điều 3. Bảng giá tính thuế tài nguyên	
	1. Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu được thực hiện theo các bảng giá ban hành kèm theo Quyết định này, gồm:	1. Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu được thực hiện theo các bảng giá ban hành kèm theo Quyết định này, gồm:	
	a) Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với khoáng sản kim loại (chi tiết tại Phụ lục I);	a) Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với khoáng sản kim loại (chi tiết tại Phụ lục I);	Kế thừa Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu
	b) Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với khoáng sản không kim loại (chi tiết tại Phụ lục II);	b) Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với khoáng sản không kim loại (chi tiết tại Phụ lục II);	Cơ bản giữ nguyên như Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Lai Châu. Tuy nhiên, theo ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công ty Cổ phần ĐT&XD Lai Châu có mã nhóm II7. Đất làm gạch, ngói, trong bảng tính thuế tài nguyên chia làm 02 nhóm: Nhóm II701: Đất đồi, đất bùn làm gạch: 100.000 đ/m ³ , Nhóm II702: sét làm gạch, ngói: 120.000 đ/m ³
	c) Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với sản phẩm từ rừng tự nhiên (chi tiết tại Phụ lục III);	c) Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với sản phẩm từ rừng tự nhiên (chi tiết tại Phụ lục III);	Kế thừa Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu
	d) Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên (chi tiết tại Phụ lục IV);	d) Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên (chi tiết tại Phụ lục IV);	Kế thừa Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu
	đ) Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với tài nguyên khác (chi tiết tại Phụ lục V).	đ) Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với tài nguyên khác (chi tiết tại Phụ lục V).	Kế thừa Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu
	2. Giá tính thuế tài nguyên tại khoản 1 điều này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.	2. Giá tính thuế tài nguyên tại khoản 1 điều này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.	Kế thừa Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

	Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu Ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu Ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu	
	3. Giá tính thuế tài nguyên là giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên khai thác chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng nhưng không được thấp hơn giá tính thuế tài nguyên tại khoản 1 điều này; Trường hợp giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên cao hơn giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thì tính thuế tài nguyên theo giá bán thực tế của đơn vị.	3. Giá tính thuế tài nguyên là giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên khai thác chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng nhưng không được thấp hơn giá tính thuế tài nguyên tại khoản 1 điều này; Trường hợp giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên cao hơn giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thì tính thuế tài nguyên theo giá bán thực tế của đơn vị.	
4	Điều 4. Tổ chức thực hiện	Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị	
	1. Sở Tài chính	1. Sở Tài chính	
	Hàng năm, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế và các đơn vị có liên quan tham mưu xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên phù hợp với biến động của thị trường, phù hợp với Khung giá tính thuế tài nguyên do Bộ Tài chính ban hành hoặc khi có phát sinh loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh chưa quy định trong bảng giá tại Quyết định này.	Hàng năm, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thuế tỉnh và các đơn vị có liên quan tham mưu xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên phù hợp với biến động của thị trường, phù hợp với Khung giá tính thuế tài nguyên do Bộ Tài chính ban hành hoặc khi có phát sinh loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh chưa quy định trong bảng giá tại Quyết định này.	Thay đổi tên Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/2/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh hợp nhất, thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu; Cục Thuế theo Quyết định số 1376/QĐ-CT ngày 30/6/2025 của Cục trưởng Cục Thuế ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thuế tỉnh,
	2. Cục Thuế tỉnh	2. Thuế tỉnh	Thay đổi tên Cục Thuế theo Quyết định số 1376/QĐ-CT ngày 30/6/2025 của Cục trưởng Cục Thuế ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thuế tỉnh, thành phố thuộc Cục Thuế
	a) Hướng dẫn các đơn vị tổ chức thực hiện kiểm tra giám sát việc kê khai, nộp Thuế tài nguyên của người nộp thuế, phù hợp với quy định tại Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên.	a) Hướng dẫn các đơn vị tổ chức thực hiện kiểm tra giám sát việc kê khai, nộp Thuế tài nguyên của người nộp thuế, phù hợp với quy định tại Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên.	
	b) Cơ quan thuế căn cứ kê khai của người nộp thuế về sản lượng tài nguyên thực tế khai thác trong năm theo từng mỏ tại Bảng kê được nộp cùng với Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên khi kết thúc năm tài chính, có trách nhiệm chuyển cơ quan Tài nguyên và Môi trường thông tin chi tiết về sản lượng khai thác tài nguyên trong năm theo từng mỏ của các đơn vị trong địa bàn.	b) Cơ quan thuế căn cứ kê khai của người nộp thuế về sản lượng tài nguyên thực tế khai thác trong năm theo từng mỏ tại Bảng kê được nộp cùng với Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên khi kết thúc năm tài chính, có trách nhiệm chuyển cơ quan Nông nghiệp và Môi trường thông tin chi tiết về sản lượng khai thác tài nguyên trong năm theo từng mỏ của các đơn vị trong địa bàn.	
	3. Sở Tài nguyên và Môi trường	3. Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	a) Có trách nhiệm theo dõi, rà soát các loại tài nguyên mới phát sinh chưa được quy định trong Quyết định này kịp thời phối hợp Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung giá tính thuế tài nguyên theo quy định.	a) Có trách nhiệm theo dõi, rà soát các loại tài nguyên mới phát sinh chưa được quy định trong Quyết định này kịp thời phối hợp Sở Tài chính, Thuế tỉnh báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung giá tính thuế tài nguyên theo quy định.	

	Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu Ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu Ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu	
	b) Phối hợp cơ quan thuế đối chiếu sản lượng tài nguyên đã khai thác tại từng mỏ do đơn vị khai thác khai, nộp thuế với dữ liệu đã có tại cơ quan tài nguyên và môi trường; Trường hợp sản lượng khai thuế không phù hợp sản lượng được phép khai thác ghi trên Giấy phép khai thác hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì cơ quan Tài nguyên và môi trường sẽ thực hiện các biện pháp nghiệp vụ để xác định sản lượng khai thác thực tế của đơn vị.	b) Phối hợp cơ quan thuế đối chiếu sản lượng tài nguyên đã khai thác tại từng mỏ do đơn vị khai thác khai, nộp thuế với dữ liệu đã có tại cơ quan Nông nghiệp và Môi trường; Trường hợp sản lượng khai thuế không phù hợp sản lượng được phép khai thác ghi trên Giấy phép khai thác hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì cơ quan Nông nghiệp và Môi trường sẽ thực hiện các biện pháp nghiệp vụ để xác định sản lượng khai thác thực tế của đơn vị.	
5	Điều 5. Hiệu lực thi hành	Điều 5. Hiệu lực thi hành	
	1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2025.	1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2026.	
	2. Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2024 trên địa bàn tỉnh Lai Châu hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.	2. Quyết định này thay thế Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.	
		3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.	Bổ sung khoản 3
	3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.	4. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công thương, Trưởng Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.	Thay đổi tên Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/2/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh hợp nhất, thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu; Cục Thuế theo Quyết định số 1376/QĐ-CT ngày 30/6/2025 của Cục trưởng Cục Thuế ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thuế tỉnh, thành phố thuộc Cục Thuế và UBND các xã, phường theo Luật chính quyền địa phương.